ĐÁNH GIÁ GÁNH NẶNG THUẾ VÀ TÍNH LUỸ TIẾN TRONG DỰ THẢO LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN 2025 VÀ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI

PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu*

Bài viết trao đổi một số vấn đề liên quan đến dự thảo Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) sửa đổi năm 2025 tại Việt Nam, trong đó tập trung vào những điểm mới dự kiến được điều chỉnh như mức khấu trừ gia cảnh, số bậc thuế và biểu thuế luỹ tiến. Bài viết tiến hành phân tích so sánh giữa chính sách hiện hành và các phương án sửa đổi, đồng thời đối chiếu với thông lệ quốc tế và kinh nghiệm của một số nước trong khu vực ASEAN. Trên cơ sở đó, bài viết đánh giá những tác động tiềm ẩn của dự luật mới đối với công bằng xã hội, mức sống của người dân và nguồn thu ngân sách nhà nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc sửa đổi Luật Thuế TNCN trong những lần sửa đổi trước và kể cả dự thảo lần này chủ yếu tập trung vào việc nâng mức khấu trừ gia cảnh mà không có sự điều chỉnh cần thiết của biểu thuế dẫn đến sự gia tăng gánh nặng ngầm định đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công cũng như đối với thu nhập phát sinh từng lần (thu nhập từ trúng thưởng, bản quyền…) dẫn đến tác động không mong muốn. Bài viết cũng đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm hoàn thiện dự luật theo hướng bảo đảm cân bằng giữa mục tiêu điều tiết thu nhập, công bằng xã hội và khuyến khích phát triển kinh tế theo hướng không gia tăng gánh nặng thuế thực tế và phù hợp với xu hướng chung của các quốc gia trên thế giới.

• Từ khóa: *thuế thu nhập cá nhân, biểu thuế , thuế suất trung bình, gánh nặng thuế.*

This article discusses several issues related to the draft amendment of the Personal Income Tax Law in Vietnam in 2025, focusing on the new points expected to be adjusted such as the personal allowance, the number of tax brackets, and the progressive tax rate schedule. The article conducts a comparative analysis between the current policy and the proposed amendments, while also comparing them with international practices and the experiences of several ASEAN countries. Based on this, the article assesses the potential impacts of the new bill on social equity, people's living standards, and state budget revenue. The research results show that previous amendments to the Personal Income Tax Law, including this draft, have mainly focused on increasing the personal allowance without the necessary adjustments to the tax rate schedule. This leads to an increased implicit burden on income from salaries and wages, as well as on income from individual transactions (winnings, royalties, etc.), resulting in undesirable impacts. The article also offers several policy suggestions to improve the bill, ensuring a balance between income regulation, social equity, and economic development without increasing the actual tax burden and in line with global trends.

• Key words: *personal income tax, tax schedule, average tax rate, tax burden.*

Ngày nhận bài: 25/02/2026
Ngày gửi phản biện: 02/3/2026
Ngày duyệt đăng: 30/3/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i310.01

1. Giới thiệu chung

Dự thảo Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) năm 2025 đang được xây dựng và lấy ý kiến công chúng trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam có nhiều biến đổi sâu sắc cả về cơ cấu thu nhập, mức sống của người dân cũng như yêu cầu hội nhập quốc tế. Việc nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng các nội dung sửa đổi của dự thảo là hết sức cần thiết nhằm bảo đảm tính công bằng, hợp lý trong phân bổ gánh nặng thuế, đồng thời tạo động lực cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

Thực tiễn thi hành Luật TNCN thời gian qua đã bộc lộ nhiều hạn chế như: mức giảm trừ gia cảnh chưa theo kịp biến động giá cả, cơ cấu biểu thuế chưa phản ánh đầy đủ khả năng nộp thuế giữa các nhóm thu nhập, phạm vi và đối tượng chịu thuế còn có điểm chưa rõ ràng. Ngoài ra, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng, việc sửa đổi Luật TNCN còn phải bảo đảm tính tương thích với thông lệ quốc tế và hỗ trợ công tác quản lý thuế hiệu quả, minh bạch.

** Đại học Kinh tế - ĐHQGHN*

Do đó, nghiên cứu thấu đáo dự thảo sửa đổi Luật Thuế TNCN năm 2025 không chỉ giúp điều chỉnh chính sách thuế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, mà còn góp phần xây dựng một hệ thống thuế tiến bộ, công bằng, tạo niềm tin và sự đồng thuận xã hội, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Kể từ khi được Quốc hội ban hành năm 2007, Luật Thuế TNCN đã nhiều lần được điều chỉnh nhằm phù hợp hơn với sự biến động của kinh tế - xã hội và yêu cầu đảm bảo công bằng thuế. Giai đoạn đầu, mức giảm trừ gia cảnh được quy định ở mức 4 triệu đồng/tháng cho người nộp thuế và 1,6 triệu đồng/tháng cho mỗi người phụ thuộc, cùng với biểu thuế lũy tiến 7 bậc. Năm 2012, Luật sửa đổi nâng mức giảm trừ gia cảnh lên 9 triệu đồng/tháng cho người nộp thuế và 3,6 triệu đồng/tháng cho người phụ thuộc, đồng thời quy định rõ hơn phương thức tính thuế đối với hộ và cá nhân kinh doanh. Các năm tiếp theo, một số nội dung được bổ sung và hướng dẫn chi tiết, bao gồm cơ chế xác định thu nhập chịu thuế, khoản được trừ và thuế áp dụng cho các khoản thu nhập phát sinh một lần như thừa kế, quà tặng, chuyển nhượng công nghệ hay trúng thưởng. Đến năm 2020, Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh lên 11 triệu đồng/tháng cho người nộp thuế và 4,4 triệu đồng/tháng cho người phụ thuộc, trong khi biểu thuế 7 bậc vẫn giữ nguyên. Dự thảo sửa đổi năm 2025 tiếp tục đề xuất thay đổi đáng kể, trong đó phương án 2 của Bộ Tài chính đưa ra mức giảm trừ gia cảnh 15,5 triệu đồng/tháng cho người nộp thuế và 6,2 triệu đồng/tháng cho người phụ thuộc, đồng thời rút gọn biểu thuế xuống còn 5 bậc. Nhìn chung, quá trình sửa đổi phản ánh xu hướng điều chỉnh chính sách thuế TNCN theo hướng đơn giản hóa, thích ứng với điều kiện thực tế và tăng cường vai trò điều tiết thu nhập.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy, trong gần 20 năm qua, việc sửa đổi luật thuế thu nhập cá nhân chủ yếu chú trọng vào việc điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh cho bản thân người nộp thuế và người phụ thuộc nhưng không hề có sự điều chỉnh về biểu thuế suất (các mức thu nhập của các bậc thuế và mức khởi điểm chịu thuế đối với các khoản thu nhập phát sinh một lần). Điều này dẫn đến hiện tượng gia tăng gánh nặng thuế kể cả đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập phát sinh từng lần. Bài viết sẽ lần lượt minh chứng những khía cạnh này trong các phần tiếp theo.

Bảng 1.1: Các thời điểm và nội dung sửa đổi thuế thu nhập cá nhân từ năm 2007 đến nay

Năm / Văn bản chính	Mức giảm trừ (người nộp)	Mức giảm trừ (người phụ thuộc)	Biểu thuế (tiền lương/ tiền công)	Cách tính thuế với thu nhập từ kinh doanh	Thuế với thu nhập một lần (trúng thưởng, thừa kế, quà tặng, chuyển giao công nghệ...)
2007 - Luật Thuế TNCN 04/2007/QH12 (ban hành)	**4 triệu/ tháng (48 triệu/năm)**	**1,6 triệu/ tháng**	7 bậc lũy tiến (5% → 35%)	Tính theo thu nhập tính thuế (doanh thu - chi phí). Gộp vào thu nhập từ tiền lương tiền công (nếu có) để áp dụng biểu luỹ tiến	Thuế suất 10% tính trên phần thu nhập lớn hơn 10 triệu đồng/lần;.
2012 (hiệu lực 1/7/2013) - Luật 26/2012/QH13 & NĐ 65/2013	**9 triệu/ tháng**	**3,6 triệu/ tháng**	7 bậc giữ nguyên, thay đổi ngưỡng.	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh được tính riêng, không áp dụng biểu luỹ tiến	Không thay đổi
2013-2014 - TT 111/2013, Luật 71/2014	Không đổi (9 triệu)	Không đổi (3,6 triệu)	Giữ 7 bậc.	Không thay đổi	Không thay đổi
2020 - Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14	**11 triệu/ tháng (132 triệu/năm)**	**4,4 triệu/ tháng**	Giữ nguyên 7 bậc.	Không thay đổi	Không thay đổi
2025 (Dự thảo - Phương án 2 Bộ Tài chính)	**15,5 triệu/ tháng (186 triệu/năm)**	**6,2 triệu/ tháng**	Đề xuất rút gọn còn **5 bậc**, 5% → 35%, ngưỡng thu nhập mở rộng hơn[1].	Đơn giản hoá cách tính. Thuế bằng doanh thu nhân với tỷ lệ thuế trên doanh thu. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vẫn tách riêng, tính thuế riêng	Không thay đổi.

2. Gia tăng gánh nặng thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công do nhảy bậc thuế dù thu nhập thực không tăng

Trong nghiên cứu thuế, gánh nặng thuế thực của người nộp thuế thường được đo lường thông qua thuế suất trung bình (Average Tax Rate - ATR), được xác định bằng tỷ lệ giữa số thuế phải nộp và tổng thu nhập gộp. Khác với thuế suất danh nghĩa, vốn chỉ phản ánh mức thuế quy định trong biểu thuế, chỉ số ATR phản ánh chính xác hơn mức độ chiếm dụng thu nhập thực tế của hệ thống thuế đối với từng cá nhân. Trong hệ thống thuế lũy tiến, thuế suất biên (Marginal Tax Rate - MTR) quyết định hành vi cận biên, song thuế suất trung bình mới là thước đo tổng quát về mức độ chia sẻ thu nhập giữa khu vực tư nhân và nhà nước. Nghiên cứu gánh nặng thuế thông qua ATR giúp nhận diện tính công bằng theo chiều dọc (vertical equity), bởi những người có thu nhập cao thường phải đối mặt với mức thuế trung bình lớn hơn, phản ánh nguyên tắc "đóng góp theo khả năng". Đồng thời, ATR còn là chỉ báo quan trọng

[1] *Lấy theo phương án 2 trong dự thảo.*

để đánh giá sức chịu đựng thuế của các nhóm dân cư, so sánh gánh nặng thuế giữa các thời kỳ hay giữa các quốc gia. Việc phân tích thuế suất trung bình không chỉ có ý nghĩa trong đo lường tác động phân phối của thuế mà còn cung cấp căn cứ thực chứng cho việc cải cách biểu thuế.

Để làm rõ điều này, mức thuế suất trung bình của một người có các mức thu nhập từ 70 triệu đồng đến 1.600 triệu đồng/năm ở thời điểm năm 2009 (cột 1 trong bảng 2.1). Giả sử người này không có người phụ thuộc nên chỉ được khấu trừ cho bản thân người nộp thuế ở mức 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm) thì thu nhập tính thuế với các mức thu nhập được thể hiện trên cột (2); thuế phải nộp được thể hiện trên cột (3) và mức thuế suất trung bình trên cột (4). Rõ ràng, mức thuế suất trung bình tăng dần từ bậc thấp nhất đến bậc cao nhất theo mức luỹ tiến của biểu thuế 7 bậc).

Bảng 2.1: Thuế suất trung bình của các mức thu nhập tiền lương tiền công theo biểu thuế năm 2007

Thu nhập (triệu đ/năm)	Thu nhập tính thuế (triệu đồng/năm)	Thuế phải nộp (triệu đồng/năm	Mức thuế trung bình (%)/thu nhập
(1)	(2)	(3)	(4)
70	22	1.1	**1.57**
150	102	7.2	**4.80**
250	202	21.3	**8.52**
450	402	61.5	**13.67**
800	752	155.4	**19.43**
1200	1152	285	**23.75**
1600	1552	425	**26.56**

Từ năm 2009 đến 2025 đã có 3 lần điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh. Lần 1 vào năm 2013 khi chỉ số giá tiêu dùng tăng gấp đôi, khấu trừ cho người nộp thuế được điều chỉnh lên mức 9 triệu đồng/tháng. Lần 2 vào năm 2020, khi chỉ số giá tiêu dùng tăng 20%, mức khấu trừ cho người nộp thuế được điều chỉnh thành 11 triệu đồng/tháng. Đến năm 2025, chỉ số giá tăng thêm 20% so với thời điểm năm 2020. Như vậy tính từ thời điểm gốc năm 2009, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 2,88 lần (2x1,2x1,2=2,88). Trên Bảng 2.2, điều chỉnh các mức thu nhập gốc với hệ số giá 2,88, ta có mức thu nhập tương đương ở thời điểm năm 2025 ở cột (2), sau khi khấu trừ gia cảnh cho người nộp thuế ở mức 11 triệu đồng/tháng theo theo quy định hiện hành ta có thu nhập tính thuế ở cột (3); số thuế phải nộp ở cột (4) được tính toán theo biểu thuế áp dụng cho năm 2025 (cũng là biểu thuế của Luật thuế năm 2007) để tính ra mức thuế phải nộp ở và mức thuế suất trung bình ở cột (5).

Bảng 2.2: Thuế suất trung bình của các mức thu nhập tiền lương tiền công (đã điều chỉnh theo hệ số giá) và biểu thuế thời điểm 9/2025

Thu nhập gốc	Thu nhập điều chỉnh (×2,88)	Thu nhập tính thuế sau khấu trừ	Thuế phải nộp	Thuế bình quân (%)
70	201,6	69,6	5,52	2,74%
150	432	300	44,4	10,28%
250	720	588	125,4	17,42%
450	1296	1164	297,0	22,91%
800	2304	2172	638,4	27,71%
1200	3456	3324	1036,8	29,98%
1600	4608	4476	1480,2	32,11%

Có thể dễ dàng nhận ra, gánh nặng thuế (mức thuế bình quân) ở tất cả các mức thu nhập đều tăng đáng kể. Cụ thể, ở mức thu nhập thấp nhất, thuế suất bình quân đã tăng từ 1,57% lên 2,74%. Mức thu nhập cao nhất đã tăng từ 26,56% lên 32,11%.

Như vậy, về bản chất, nếu chỉ điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh mà không điều chỉnh biểu thuế như thời gian vừa qua đã ngầm định nâng mức điều tiết của thuế thu nhập cá nhân lên khá nhiều. Nếu đây là chủ trương thì xu hướng này đang đi ngược lại với nhiều nước trên thế giới. Nếu đây là lỗi kỹ thuật chính sách thì cần được khắc phục trong lần sửa đổi lần này.

Câu hỏi đặt ra là: Liệu dự thảo Luật thuế TNCN năm 2025 mà BTC đề xuất (nghiêng về phương án 2) có khắc phục được sự gia tăng gánh nặng thuế ngầm định này không? Để trả lời câu hỏi này, ta hãy lấy dữ liệu thu nhập điều chỉnh của bảng 2.2 để áp vào mức khấu trừ gia cảnh (15,5 triệu đồng) và biểu thuế đề xuất của BTC (5 bậc phương án 2). Kết quả được thể hiện ở bảng 2.3 dưới đây:

Bảng 2.3: Thuế suất bình quân của các mức thu nhập từ tiền lương, tiền công điều chỉnh trượt giá áp dụng mức khấu trừ và biểu thuế như dự thảo của BTC (phương án 2)

Thu nhập gốc	Thu nhập điều chỉnh (×2,88)	Thu nhập tính thuế sau khấu trừ	Thuế phải nộp	Thuế bình quân (%)
70	201.6	15.6	0.78	0.39
150	432	246	24.9	5.76
250	720	534	76.8	10.67
450	1296	1110	211.5	16.32
800	2304	2118	555.3	24.10
1200	3456	3270	958.5	27.73
1600	4608	4422	1361.7	29.55

Từ tính toán trên bảng 2.3, có thể thấy rằng, mặc dù đã có sự điều chỉnh so với biểu thuế của luật thuế năm 2007 bằng cách giảm số bậc thuế còn 5 bậc, nâng mức giảm trừ gia cảnh và nâng giãn cách thu nhập giữa các bậc thuế nhưng cơ bản, gánh nặng thuế vẫn tăng khá nhiều so với gánh nặng thuế thiết kế ban đầu năm 2007. Chỉ trừ mức thu nhập thấp nhất trong bảng 2.3, gánh nặng thuế giảm hơn so với trước do hiệu ứng nâng mức giảm trừ gia cảnh nhiều hơn mức trượt giá (mức giảm trừ gia cảnh điều chỉnh theo trượt giá là 4 x 2,88 = 11,52 triệu), các mức thu nhập còn lại đều cho thấy gánh nặng thuế tăng so với trước từ 10% đến 25%. Ví dụ, ở mức thu nhập gốc 150 triệu đồng/năm (tương đương mức thu nhập 432 triệu ở thời điểm 2025) gánh nặng thuế tăng 20%. Ở mức thu nhập gốc 250 triệu/năm, gánh nặng thuế tăng khoảng 25%. Rõ ràng, biểu thuế dự kiến vẫn ngầm định gia tăng gánh nặng so với luật ban đầu dù có thấp hơn một chút so với gánh nặng thuế thực của năm 2025 (trên bảng 2.3). Vì vậy, đánh giá một cách khách quan, biểu thuế dự thảo đưa ra chưa đảm bảo được tính khoa học và yêu cầu thực tiễn của việc sửa đổi.

3. Gia tăng gánh nặng thuế đối với thu nhập phát sinh một lần (thu nhập từ trúng thưởng, chuyển giao công nghệ, bản quyền…)

Trong suốt thời gian kể từ khi thuế thu nhập cá nhân được ban hành đến nay đã gần 20 năm nhưng quy định thuế về các khoản thu nhập phát sinh từng lần như thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng, thu nhập từ chuyển giao công nghệ, bản quyền… không có gì thay đổi. Mức khởi điểm chịu thuế vẫn là 10 triệu đồng, thuế suất là 5% hoặc 10% tính trên thu nhập lớn hơn 10 triệu đồng/lần. Việc không điều chỉnh mức khởi điểm chịu thuế đã ngầm định gia tăng gánh nặng thuế lên những người có thu nhập chịu thuế.

Bảng 3.1: Thuế suất trung bình của các mức thu nhập nhận được từ trúng thưởng thời điểm 2009

Thu nhập gộp (Triệu đồng)	Thu nhập tính thuế (Triệu đồng)	Thuế phải nộp (Triệu đồng)	Thuế suất trung bình (%)
5	0	0.0	0.00
8	0	0.0	0.00
15	5	0.5	3.33
30	20	2.0	6.67
80	70	7.0	8.75
100	90	9.0	9.00

Bảng 3.2: Thuế suất trung bình của các mức thu nhập điều chỉnh theo hệ số giá ở thời điểm 2025

Thu nhập gốc (triệu VND)	Thu nhập gộp sau điều chỉnh x2.88 (triệu VND)	Thu nhập tính thuế (triệu VND)	Thuế phải nộp (triệu VND)	Thuế suất trung bình (%)
5	14.4	4.4	0.44	3.06
8	23.04	13.04	1.3	5.64
15	43.2	33.2	3.32	7.69
30	86.4	76.4	7.64	8.84
80	230.4	220.4	22.04	9.57
100	288	278	27.8	9.65

Bảng 3.1 tính ra thuế phải nộp đối với các mức thu nhập từ trúng thưởng và thuế suất trung bình tính trên thu nhập phát sinh ở thời điểm 2009. Bảng 3.2 thể hiện mức thuế suất trung bình của các mức thu nhập này nhưng được quy đổi theo hệ số giá (nhân 2,88 lần). Rõ ràng, với thu nhập thực không đổi (tính theo sức mua tương đương), gánh nặng thuế đã tăng khá nhiều so với thời điểm 2009. Đặc biệt, có hai mức thu nhập là 5 triệu đồng và 8 triệu đồng trước đây chưa phải nộp thuế thì ở thời điểm 2025 đã bị đẩy vào diện chịu thuế với mức thuế trung bình tính trên thu nhập là 3,06% và 5,64%. Đây là sự leo thang gánh nặng ngầm định mà dự thảo luật năm 2025 chưa được đề cập đến.

Như vậy, nếu theo dự thảo sửa đổi (phương án 2), cả thu nhập từ tiền lương tiền công và thu nhập phát sinh từng lần đối với cá nhân cư trú, người nộp thuế phải chịu mức điều tiết thu nhập cao hơn so với luật gốc năm 2007. Do vậy, cần có sự cân nhắc, sửa đổi căn cơ hơn để phù hợp với xu hướng chung của các quốc gia trên thế giới và đảm bảo sự cạnh tranh trong việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

4. Đề xuất sửa đổi biểu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công và thu nhập phát sinh từng lần

Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

Câu hỏi đặt ra là biểu thuế và mức khấu trừ gia cảnh nên được điều chỉnh thế nào để đảm bảo gánh nặng thuế không tăng? Cá nhân tôi cho rằng cách tốt nhất là điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh và các ngưỡng thu nhập trong biểu thuế theo hệ số giá. Đây cũng là cách làm phổ biến của nhiều nước tiên tiến trên thế giới. Để minh hoạ, ta sẽ tính lại mức thuế phải nộp và thuế suất trung bình của các mức thu nhập trong ví dụ đã nêu ở phần trên theo các thông số đã được điều

chỉnh. Cụ thể, thu nhập của các cá nhân được điều chỉnh theo hệ số giá 2,88 (cột 2 của bảng 4.1), mức khấu trừ gia cảnh cho cá nhân là 11,52 triệu đồng/tháng (4x2,88=11,52) - tức 138,24 triệu/năm và giữ nguyên các mức thuế suất. Các bậc thuế trong biểu thuế được điều chỉnh thành các mức như sau:

Bảng 4.1: Biểu thuế TNCN đề xuất (điều chỉnh theo hệ số 2,88)

Bậc thuế	Thu nhập tính thuế (triệu đồng/năm)	Thu nhập tính thuế làm tròn (triệu đồng/năm)	Thuế suất
1	Đến 172,8	**Đến 172**	5%
2	Trên 172,8 - 345,6	**Trên 172 - 345**	10%
3	Trên 345,6 - 622,1	**Trên 345 - 620**	15%
4	Trên 622,1 - 1.105,9	**Trên 620 - 1.100**	20%
5	Trên 1.105,9 - 1.797,1	**Trên 1.100 - 1.800**	25%
6	Trên 1.797,1 - 2.764,8	**Trên 1.800 - 2.750**	30%
7	Trên 2.764,8	**Trên 2.750**	35%

Dùng biểu thuế với các mức thu nhập làm tròn (cột 3 Bảng 4.1) áp vào các mức thu nhập quy đổi của năm 2025 theo các ví dụ ở phần trên và mức khấu trừ gia cảnh 11,52 triệu đồng/tháng ta có thể tính được mức thuế trung bình như trong bảng 4.2.

Bảng 4.2: Thuế suất bình quân tính theo biểu thuế đề xuất (điều chỉnh nhân 2,88 lần các mức thu nhập) và mức khấu trừ 11,52 triệu đồng/tháng

Thu nhập gốc (triệu/năm)	Thu nhập điều chỉnh x2.88 (triệu/năm)	Thu nhập tính thuế (triệu/năm)	Thuế phải nộp (triệu/năm)	Thuế bình quân (% của thu nhập điều chỉnh)
70	201.6	63.36	3.17	1.57
150	432	293.76	20.78	4.81
250	720	581.76	61.41	8.53
450	1296	1157.76	177.59	13.7
800	2304	2165.76	447.88	19.44
1200	3456	3317.76	821.87	23.78
1600	4608	4469.76	1225.07	26.59

Dễ dàng nhận thấy thuế suất trung bình ở bảng 4.2 gần như trùng khớp với thuế suất trung bình của các mức thu nhập ở bảng 2.1 (sai số là do hiệu ứng làm tròn của biểu thuế đề xuất).

Đây là biểu lý tưởng cho dự thảo Luật thuế thu nhập cá nhân năm 2025 vì những lý do sau đây:

***Thứ nhất*,** biểu thuế này thực chất là biểu thuế của Luật năm 2007 điều chỉnh các ngưỡng chịu thuế theo chỉ số giá tiêu dùng nên không làm tăng gánh nặng thuế như biểu dự kiến do Bộ Tài chính đưa ra.

***Thứ hai*,** biểu này có mức nhảy bậc thuế suất đều đặn hơn so với biểu dự kiến (5 bậc) và khá phù hợp với biểu thuế của một số nước trong khu vực có mức phát triển tương tự (Indonesia, Philippine, Thái Lan). Việc đưa biểu thuế từ 7 bậc thành 5 bậc với lý lẽ đơn giản hoá không thực sự thuyết phục vì với việc phát triển của công nghệ hiện tại, biểu thuế nhiều bậc hay ít bậc không còn là vấn đề lớn (giờ không còn ai tính thuế thủ công). Hơn nữa, biểu dự kiến của Bộ Tài chính có mức nhảy giữa một số bậc khá đột ngột (5% bậc một nhảy lên 15% bậc hai; 25% bậc 4 nhảy lên 35% bậc 5). Nhiều nước trên thế giới vẫn duy trì biểu thuế suất nhiều bậc nhưng không gây cản trở gì đối với cơ quan thu và người nộp thuế. Chẳng hạn, Malaysia: 11 bậc (trước đây là 30 bậc), Thái Lan: 7 bậc (từ 0% đến 35%); Philippines: 6 bậc, Singapore: 10 bậc (0%-24%), Nhật Bản: 7 bậc (5% đến 45%), Hàn Quốc: 9 bậc (6% đến 45%). Hoa Kỳ: 7 bậc (10% đến 37%). Trung Quốc: 7 bậc (3% đến 45%). Nhìn chung, các bậc thuế càng chi tiết, tính công bằng sẽ được cải thiện hơn.

***Thứ ba*,** việc kéo giãn các mức thu nhập của các bậc thuế là cần thiết, vừa đảm bảo không tăng gánh nặng thuế, vừa đảm bảo tương đồng với biểu thuế của một số nước trong khu vực. Ngưỡng chịu thuế ở bậc cao nhất (35%) của biểu dự kiến của Bộ Tài chính quá thấp (trên 100 triệu/tháng - 1.200 triệu/năm), trong khi đó, ngưỡng chịu thuế điều chỉnh theo hệ số giá là trên 2.750 triệu/năm mới phải chịu mức thuế này (Bảng 4.1).

Một vấn đề khác là mức khấu trừ gia cảnh Bộ Tài chính dự kiến cho năm 2025 là 15,5 triệu đồng/tháng - cao hơn mức khấu trừ gia cảnh gốc sau khi điều chỉnh theo hệ số giá (11.52 triệu). Đây là đề xuất tốt vì nó được tính dựa trên sự gia tăng đáng kể thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam trong thời gian vừa qua. Nếu áp dụng mức khấu trừ gia cảnh này, gánh nặng thuế sẽ giảm một chút so với mức tính toán trên bảng 2.5 nhưng không nhiều, trong đó người có thu nhập thấp hơn được hưởng lợi nhiều hơn (Bảng 4.3). Do đó, việc áp dụng mức khấu trừ gia cảnh ở mức 15,5 triệu đồng/tháng và áp dụng biểu thuế suất điều chỉnh như trình bày trên bảng 3.1 vừa là yêu cầu, vừa là giải pháp lý tưởng cho thuế thu nhập cá nhân năm 2025.

Bảng 4.3: Thuế suất trung bình áp dụng mức khấu trừ gia cảnh 15.5 triệu/tháng và biểu thuế đề xuất trên bảng 2.3 (triệu VND/năm)

Thu nhập gốc	Thu nhập điều chỉnh x2.88	Thu nhập tính thuế (sau khấu trừ 186m)	Thuế phải nộp	Thuế bình quân (% của thu nhập điều chỉnh)
70	201.60	15.60	0.78	0.39%
150	432.00	246.00	16.00	3.70%
250	720.00	534.00	54.25	7.53%
450	1296.00	1110.00	165.65	12.78%
800	2304.00	2118.00	433.55	18.82%
1200	3456.00	3270.00	805.15	23.30%
1600	4608.00	4422.00	1208.35	26.22%

Đối với thu nhập phát sinh từng lần từ trúng thưởng, chuyển giao công nghệ, quà tặng, thừa kế…

Đối với những khoản thu nhập này, mức thuế suất vẫn nên giữ nguyên như hiện tại nhưng ngưỡng chịu thuế cần được điều chỉnh ở mức cao hơn (10 x 2,88 = 28,8 triệu - làm tròn thành 30 triệu). Nếu điều chỉnh như vậy, về cơ bản gánh nặng thuế không thay đổi so với trước đây.

Bảng 4.4: Thuế suất trung bình của các mức thu nhập điều chỉnh (nhân hệ số 2,88) và ngưỡng chịu thuế 30 triệu đồng

Thu nhập gốc (Triệu đồng)	Thu nhập gộp (Triệu đồng)	Thu nhập tính thuế (Triệu đồng)	Thuế phải nộp (Triệu đồng)	Thuế suất trung bình (%)
5	14.40	0.0	0.00	0.00
8	23.04	0.0	0.00	0.00
15	43.20	13.2	1.32	3.06
30	86.40	56.4	5.64	6.53
80	230.40	200.4	20.04	8.70
100	288.00	258.0	25.80	8.96

Mức thuế suất trung bình trên bảng 4.4 là kết quả của việc tính toán các mức thu nhập điều chỉnh với ngưỡng chịu thuế 30 triệu đồng. Thuế suất trung bình trên bảng này gần như trùng khớp với thuế suất trung bình trên bảng 2.4 - nghĩa là gánh nặng thuế cơ bản không tăng so với gánh nặng thuế của Luật thuế năm 2007.

Tóm lại: Qua việc phân tích và trao đổi một số vấn đề về dự thảo Luật Thuế Thu nhập cá nhân 2025, có thể rút ra rằng cải cách hệ thống thuế TNCN của Việt Nam là cần thiết nhằm phản ánh đúng thực tiễn thu nhập, chi tiêu và mức sống của người dân, đồng thời tăng cường tính công bằng và hiệu quả của chính sách thuế.

Để đạt được mục tiêu này, một số gợi ý chính sách cụ thể là:

1. Điều chỉnh mức khấu trừ gia cảnh theo mức sống tối thiểu và chỉ số giá tiêu dùng (CPI), đảm bảo theo kịp lạm phát và biến động giá cả, nhằm phản ánh đúng khả năng nộp thuế của người dân. Mức khấu trừ gia cảnh 15,5 triệu đồng/tháng theo đề xuất của BTC là hợp lý vì nó phản ánh sự khoan thuế do mức sống của người dân tính theo thu nhập bình quân đầu người tăng đáng kể trong vòng 20 năm qua.

2. Xem xét giữ nguyên số bậc thuế và kéo giãn khoảng cách giữa các bậc: Cần giữ được tính luỹ tiến và công bằng theo chiều dọc; đồng thời cần nới rộng một số bậc để phù hợp với xu thế gia tăng thu nhập phù hợp với chỉ số trượt giá để đảm bảo không gia tăng gánh nặng trên thu nhập thực tế của người nộp thuế. Theo đó, biểu thuế lý tưởng là biểu thuế theo đề xuất của tác giả được thể hiện trên Bảng 4.1.

3. Thiết kế lại ngưỡng chịu thuế ở mức hợp lý hơn: nên cân nhắc nâng ngưỡng chịu thuế so với hiện tại đối với cả thu nhập từ tiền lương tiền công và thu nhập phát sinh từng lần để đảm bảo không gia tăng gánh nặng thuế ngầm định. Theo đó, ngưỡng chịu thuế đối với thu nhập phát sinh từng lần nên là 30 triệu đồng thay vì mức 10 triệu đồng trước đây.

Sửa đổi Luật Thuế TNCN lần này là cơ hội để Việt Nam xây dựng một hệ thống thuế hiện đại, công bằng và hiệu quả hơn. Nếu các yếu tố về ngưỡng chịu thuế, mức khấu trừ, biểu thuế luỹ tiến và phạm vi thu nhập chịu thuế được thiết kế phù hợp, chính sách thuế TNCN sẽ thực sự trở thành công cụ điều tiết thu nhập, hỗ trợ công bằng xã hội và đồng thời vẫn khuyến khích đầu tư, lao động, sản xuất - kinh doanh./.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài chính (2007, 2012, 2014, 2020, 2025 - Dự thảo). Luật Thuế Thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hà Nội.

Nguyễn Văn Phúc (2015). Cải cách thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập. Tạp chí Tài chính.

Nguyễn Thị Cúc (2019). Một số vấn đề đặt ra trong quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán.

Nguyễn Thị Lan & Trần Minh Đức (2021). Đánh giá tác động phân phối và công bằng của thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Phát triển.

Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương - CIEM (2023). Báo cáo về cải cách hệ thống thuế ở Việt Nam: Thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp. Hà Nội.

Musgrave, R. A., & Musgrave, P. B. (1989). Public Finance in Theory and Practice. McGraw-Hill.

Bird, R. M., & Zolt, E. M. (2005). The Limited Role of the Personal Income Tax in Developing Countries. Journal of Asian Economics, 16(6), 928-946.

Slemrod, J., & Bakija, J. (2017). Taxing Ourselves: A Citizen's Guide to the Debate over Taxes. MIT Press.

OECD (2022). Taxing Wages 2022. OECD Publishing, Paris.

World Bank (2020). Vietnam Public Expenditure and Financial Accountability (PEFA) Report. Washington DC.